

Số: 1782/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành định dạng định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng
tiếng Hàn Quốc theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập
Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/05/2020 của Bộ Trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học
vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Chủ tịch Hội
đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2435/QĐ-ĐHTN ngày 26/11/2020 của Giám đốc Đại
học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm
Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1290/QĐ-ĐHTN ngày 26/03/2025 của Giám đốc Đại học
Thái Nguyên về việc thành lập Ban thẩm định định dạng đề thi đánh giá năng lực sử
dụng tiếng Hàn Quốc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 08/04/2025 của Ban thẩm định định dạng đề thi
đánh giá năng lực sử dụng tiếng Hàn Quốc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc
dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo và Quản lý người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Hàn Quốc
theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Điều 2. Định dạng đề thi đánh giá sử dụng tiếng Hàn Quốc nói trên được sử
dụng làm căn cứ xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá sử dụng tiếng Hàn Quốc theo
Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 3. Các ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và các ban chức
năng, Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - Đại học Thái Nguyên,
Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS. TS. Nguyễn Hữu Công

ĐÌNH DẠNG ĐỀ
THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG HÀN QUỐC

Từ bậc 1 đến bậc 6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
(Ban hành kèm theo quyết định số 1782/QĐ-ĐHTN ngày 16 tháng 4 năm 2025 của
Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

I. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 1

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 1 tương đương trình độ A1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 150 từ vựng thông dụng; hiểu và sử dụng được một số câu đơn giản nhất để đáp ứng nhu cầu giao tiếp đơn giản cũng như làm cơ sở cho việc tiếp tục học tiếng Hàn Quốc ở bậc cao hơn.

2. Định dạng đề thi

Bậc 1 tổng cộng có 51 câu hỏi, chia làm 4 kỹ năng : Nghe , nói, đọc , viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE	PHẦN 1	3	16	Khoảng 30
	PHẦN 2	9		
	PHẦN 3	4		
2. ĐỌC	PHẦN 1	5	20	30
	PHẦN 2	5		
	PHẦN 3	5		
	PHẦN 4	5		
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	30
	PHẦN 2	1		
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	6 - 10	Khoảng 10
	PHẦN 2	3-5		

Toàn bộ thời gian thi khoảng 100 phút (bao gồm 5 phút thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe

Phần thứ nhất có tổng cộng 3 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 1 lần. Nội dung mỗi câu hỏi thi là một cụm từ, trên đề thi sẽ đưa ra một hình ảnh, thí sinh căn vào nội dung nghe được để phán đoán đúng sai.

Phần thứ hai có tổng cộng 9 câu hỏi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu hỏi là một đoạn hội thoại, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra một đáp án đúng.

Phần thứ ba có tổng cộng 4 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Đối với mỗi câu hỏi thi, thí sinh nghe một đoạn hội thoại và đề thi sẽ cung cấp nội dung tương ứng với 4

tình huống khác nhau, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để trả lời câu hỏi và chọn ra đáp án tương ứng phù hợp với tình huống.

2.2 Đọc

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một hình ảnh và một từ, thí sinh phán đoán xem giữa hình ảnh và từ đó có nhất quán hay không.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp bốn hình ảnh, mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một câu hoàn chỉnh, thí sinh căn cứ vào nội dung câu hỏi thi để chọn ra hình ảnh tương ứng.

Phần thứ ba có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp 5 câu hỏi thi và 5 câu trả lời, thí sinh phải tìm ra mối liên hệ tương ứng giữa câu hỏi và câu trả lời để lựa chọn phương án đúng.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một câu hoàn chỉnh, trong câu sẽ có một ô trống, thí sinh phải căn cứ vào đáp án đã được cung cấp trên đề thi để lựa chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu.

2.3 Viết

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp sẵn một số từ, yêu cầu thí sinh sắp xếp những từ này thành câu hoàn chỉnh.

Phần thứ hai là viết 1 đoạn văn theo chủ đề cho sẵn. Thí sinh được lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.

2.4 Nói

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày thí sinh nhìn nội dung rồi dịch sang tiếng Hàn.

Phần thứ hai là thí sinh đọc chủ đề, thí sinh có 2 phút chuẩn bị, thí sinh trình bày về chủ đề từ 7-10 câu sử dụng ngữ pháp với trình độ tương ứng.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE	PHẦN 1	3	16	10	0,5
	PHẦN 2	9			0,5
	PHẦN 3	4			1,0
2. ĐỌC	PHẦN 1	5	20	10	0,5
	PHẦN 2	5			0,5
	PHẦN 3	5			0,5
	PHẦN 4	5			0,5
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	10	1,0
	PHẦN 2	1			5,0
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	10	1,0
	PHẦN 2	3-5			1,0
Tổng cộng	/		51	40	

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 1 sẽ được thể hiện trên điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 04 phần thi Nghe, nói, đọc, viết. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 5,0 điểm trở lên là đạt.

II. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 2

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 2 tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 300 từ vựng thông dụng; tiến hành được giao tiếp đơn giản với các chủ đề thân thuộc trong cuộc sống hàng ngày nhằm đạt được năng lực tiếng Hàn Quốc ở bậc sơ cấp (mức độ cao).

2. Định dạng đề thi

Bậc 2 tổng cộng có 51 câu hỏi, chia làm 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE	PHẦN 1	3	16	Khoảng 30
	PHẦN 2	9		
	PHẦN 3	4		
2. ĐỌC	PHẦN 1	5	20	30
	PHẦN 2	5		
	PHẦN 3	5		
	PHẦN 4	5		
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	30
	PHẦN 2	1		
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	Khoảng 10
	PHẦN 2	3-5		

Toàn bộ thời gian thi khoảng 100 phút (bao gồm 5 phút thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe

Phần thứ nhất có tổng cộng 3 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 1 lần. Nội dung mỗi câu hỏi thi là một cụm từ, trên đề thi sẽ đưa ra một hình ảnh, thí sinh căn vào nội dung nghe được để phán đoán đúng sai.

Phần thứ hai có tổng cộng 9 câu hỏi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu hỏi là một đoạn hội thoại, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra một đáp án đúng.

Phần thứ ba có tổng cộng 4 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Đối với mỗi câu hỏi thi, thí sinh nghe một đoạn hội thoại và đề thi sẽ cung cấp nội dung tương ứng với 4 tình huống khác nhau, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để trả lời câu hỏi và chọn ra đáp án tương ứng phù hợp với tình huống.

2.2 Đọc

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một hình ảnh và một từ, thí sinh phán đoán xem giữa hình ảnh và từ đó có nhất quán hay không.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp bốn hình ảnh, mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một câu hoàn chỉnh, thí sinh căn cứ vào nội dung câu hỏi thi để chọn ra hình ảnh tương ứng.

Phần thứ ba có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp 5 câu hỏi thi và 5 câu trả lời, thí sinh phải tìm ra mối liên hệ tương ứng giữa câu hỏi và câu trả lời để lựa chọn phương án đúng.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một câu hoàn chỉnh, trong câu sẽ có một ô trống, thí sinh phải căn cứ vào đáp án đã được cung cấp trên đề thi để lựa chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu.

2.3 Viết

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp sẵn một số từ, yêu cầu thí sinh sắp xếp những từ này thành câu hoàn chỉnh.

Phần thứ hai là viết 1 đoạn văn theo chủ đề cho sẵn. Thí sinh được lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.

2.4 Nói

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày thí sinh nhìn nội dung rồi dịch sang tiếng Hàn.

Phần thứ hai là thí sinh đọc chủ đề, thí sinh có 2 phút chuẩn bị, thí sinh trình bày về chủ đề từ 7-10 câu sử dụng ngữ pháp với trình độ tương ứng.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE	PHẦN 1	3	16	10	0,5
	PHẦN 2	9			0,5
	PHẦN 3	4			1,0
2. ĐỌC	PHẦN 1	5	20	10	0,5
	PHẦN 2	5			0,5
	PHẦN 3	5			0,5
	PHẦN 4	5			0,5
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	10	1,0
	PHẦN 2	1			5,0
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	10	1,0
	PHẦN 2	3-5			1,0
Tổng cộng	/		51	40	

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 2 sẽ được thể hiện trên điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 04 phần thi Nghe , nói, đọc, viết. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

III. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 3

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 3 tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 600 từ vựng thông dụng; Thí sinh có thể sử dụng tiếng Hàn Quốc để thực hiện các giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, học tập, làm việc...; Ngoài ra, khi đi du lịch Hàn Quốc có thể cơ bản thực hiện được các giao tiếp thông thường.

2. Định dạng đề thi

Bậc 3 Tổng cộng có 76 câu hỏi, chia làm 4 phần: Nghe , Nói, Đọc, Viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE	PHẦN 1	6	25	45
	PHẦN 2	7		
	PHẦN 3	7		
	PHẦN 4	5		
2. ĐỌC	PHẦN 1	16	30	50
	PHẦN 2	5		
	PHẦN 3	4		
	PHẦN 4	5		
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	45
	PHẦN 2	1		
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	Khoảng 10
	PHẦN 2	3-5		
Tổng cộng		76		Khoảng 150

Toàn bộ thời gian thi khoảng 150 phút (không bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe

Phần thứ nhất có tổng cộng 6 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 1 lần. Nội dung mỗi câu là một hội thoại ngắn (thường gồm 2 câu) và trong đề thi sẽ cung cấp bốn hình ảnh, tình huống thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra hình ảnh tương ứng hoặc nội dung phù hợp tiếp nối tình huống.

Phần thứ hai có tổng cộng 7 câu hỏi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu sẽ thực hiện như sau: Người thứ nhất nói một đoạn văn ngắn, người thứ hai căn cứ vào đoạn văn này đưa ra thông tin là một câu hoàn chỉnh và câu này được cung cấp trên đề thi để từ đó thí sinh dựa vào nội dung nghe được phán đoán câu được cung cấp là thuộc đáp án nào.

Phần thứ ba có tổng cộng 7 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu là hội thoại giữa hai người nam và nữ, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra được

ý đồ của người nam hoặc người nữ trong đoạn hội thoại. Thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng nhất.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Đề thi sẽ đưa ra nội dung mỗi câu hỏi là một đoạn hội thoại, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra một đáp án đúng cho câu trả lời tương ứng.

2.2 Đọc

Phần thứ nhất có tổng cộng 16 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi trắc nghiệm, lựa chọn chủ đề/nội dung trọng tâm của hình ảnh/ đoạn văn.

Phần thứ ba có tổng cộng 4 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/ cụm từ điền vào chỗ trống trong 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 02 chỗ trống.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Đề thi sẽ đưa ra 5 đoạn văn ngắn, mỗi đoạn văn có kèm theo một câu hỏi, thí sinh căn cứ vào bốn phương án (A, B, C, D) đã được đưa ra theo mỗi câu hỏi để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.3 Viết

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp sẵn một số từ, yêu cầu thí sinh sắp xếp những từ này thành câu hoàn chỉnh.

Phần thứ hai thí sinh viết bài luận khoảng 400-600 chữ về một chủ đề cho sẵn.

2.4 Nói

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày thí sinh nhìn nội dung rồi dịch sang tiếng Hàn.

Phần thứ hai là thí sinh đọc chủ đề, thí sinh có 2 phút chuẩn bị, thí sinh trình bày về chủ đề từ 7-10 câu sử dụng ngữ pháp với trình độ tương ứng.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		DIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE	PHẦN 1	6	25	10	0,4
	PHẦN 2	7			0,4
	PHẦN 3	7			0,4
	PHẦN 4	5			0,4
2. ĐỌC	PHẦN 1	16	30	10	0,3
	PHẦN 2	5			0,3
	PHẦN 3	4			0,3
	PHẦN 4	5			0,5
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	10	1,0
	PHẦN 2	1			5,0
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	10	1,0

	PHẦN 2	3-5			1,0
Tổng cộng	/	76	40		

Kết quả thi theo từng kỹ năng của thí sinh sẽ được tính bằng số lượng câu trả lời chính xác nhân với số điểm cho mỗi câu của từng kỹ năng. Điểm thi được làm tròn theo từng kỹ năng và làm tròn dạng số nguyên.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 3 sẽ được thể hiện trên 4 phần: : Điểm nghe, điểm đọc, điểm viết, điểm nói và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 04 phần thi Nghe, nói, đọc, viết. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

IV. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 4

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 4 tương đương trình độ B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 1200 từ vựng thông dụng; thí sinh có thể dùng tiếng Hàn Quốc để thảo luận, trao đổi với lĩnh vực giao tiếp tương đối rộng và có khả năng giao tiếp tương đối lưu loát với người bản ngữ.

2. Định dạng đề thi

Bậc 4 Tổng cộng có 76 câu hỏi, chia làm 4 phần: Nghe , Nói, Đọc, Viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE	PHẦN 1	6	25	45
	PHẦN 2	7		
	PHẦN 3	7		
	PHẦN 4	5		
2. ĐỌC	PHẦN 1	16	30	50
	PHẦN 2	5		
	PHẦN 3	4		
	PHẦN 4	5		
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	45
	PHẦN 2	1		
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	Khoảng 10
	PHẦN 2	3-5		
Tổng cộng		76		Khoảng 150

Toàn bộ thời gian thi khoảng 150 phút (không bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe

Phần thứ nhất có tổng cộng 6 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 1 lần. Nội dung mỗi câu là một hội thoại ngắn (thường gồm 2 câu) và trong đề thi sẽ cung cấp bốn hình ảnh,

tình huống thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra hình ảnh tương ứng hoặc nội dung phù hợp tiếp nối tình huống.

Phần thứ hai có tổng cộng 7 câu hỏi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu sẽ thực hiện như sau: Người thứ nhất nói một đoạn văn ngắn, người thứ hai căn cứ vào đoạn văn này đưa ra thông tin là một câu hoàn chỉnh và câu này được cung cấp trên đề thi để từ đó thí sinh dựa vào nội dung nghe được phán đoán câu được cung cấp là thuộc đáp án nào.

Phần thứ ba có tổng cộng 7 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu là hội thoại giữa hai người nam và nữ, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra được ý đồ của người nam hoặc người nữ trong đoạn hội thoại. Thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng nhất.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Đề thi sẽ đưa ra nội dung mỗi câu hỏi là một đoạn hội thoại, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra một đáp án đúng cho câu trả lời tương ứng.

2.2 Đọc

Phần thứ nhất có tổng cộng 16 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi trắc nghiệm, lựa chọn chủ đề/nội dung trọng tâm của hình ảnh/đoạn văn.

Phần thứ ba có tổng cộng 4 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/ cụm từ điền vào chỗ trống trong 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 02 chỗ trống.

Phần thứ ba có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Đề thi sẽ đưa ra 5 đoạn văn ngắn, mỗi đoạn văn có kèm theo một câu hỏi, thí sinh căn cứ vào bốn phương án (A, B, C, D) đã được đưa ra theo mỗi câu hỏi để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.3 Viết

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp sẵn một số từ, yêu cầu thí sinh sắp xếp những từ này thành câu hoàn chỉnh.

Phần thứ hai thí sinh viết bài luận khoảng 400-600 chữ về một chủ đề cho sẵn.

2.4 Nói

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày thí sinh nhìn nội dung rồi dịch sang tiếng Hàn.

Phần thứ hai là thí sinh đọc chủ đề, thí sinh có 2 phút chuẩn bị, thí sinh trình bày về chủ đề từ 7-10 câu sử dụng ngữ pháp với trình độ tương ứng.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE	PHẦN 1	6	25	10	0,4
	PHẦN 2	7			0,4
	PHẦN 3	7			0,4
	PHẦN 4	5			0,4

2. ĐỌC	PHẦN 1	16	30	10	0,3
	PHẦN 2	5			0,3
	PHẦN 3	4			0,3
	PHẦN 4	5			0,5
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	10	1,0
	PHẦN 2	1			5,0
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	10	1,0
	PHẦN 2	3-5			1,0
Tổng cộng	/	76		40	

Kết quả thi theo từng kỹ năng của thí sinh sẽ được tính bằng số lượng câu trả lời chính xác nhân với số điểm cho mỗi câu của từng kỹ năng. Điểm thi được làm tròn theo từng kỹ năng và làm tròn dạng số nguyên.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 4 sẽ được thể hiện trên 4 phần: Điểm nghe, điểm đọc, điểm viết, điểm nói và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 04 phần thi Nghe, nói, đọc, viết.. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 7,0 điểm trở lên là đạt.

V. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 5

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 5 tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 2500 từ vựng thông dụng; có thể đọc hiểu được sách, báo tạp chí; có thể xem hiểu phim ảnh và thuyết trình tương đối hoàn chỉnh bằng tiếng Hàn Quốc.

2. Định dạng đề thi

Bậc 5 : Tổng cộng có 76 câu hỏi, chia làm 4 phần: Nghe, Nói, Đọc, Viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE	PHẦN 1	6	25	45
	PHẦN 2	7		
	PHẦN 3	7		
	PHẦN 4	5		
2. ĐỌC	PHẦN 1	16	30	50
	PHẦN 2	5		
	PHẦN 3	4		
	PHẦN 4	5		
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	45
	PHẦN 2	1		
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	Khoảng 10

	PHẦN 2	3-5		
Tổng cộng		76		Khoảng 150

Toàn bộ thời gian thi khoảng 150 phút (không bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe

Phần thứ nhất có tổng cộng 6 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 1 lần. Nội dung mỗi câu là một hội thoại ngắn (thường gồm 2 câu) và trong đề thi sẽ cung cấp bốn hình ảnh, tình huống thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra hình ảnh tương ứng hoặc nội dung phù hợp tiếp nối tình huống.

Phần thứ hai có tổng cộng 7 câu hỏi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu sẽ thực hiện như sau: Người thứ nhất nói một đoạn văn ngắn, người thứ hai căn cứ vào đoạn văn này đưa ra thông tin là một câu hoàn chỉnh và câu này được cung cấp trên đề thi để từ đó thí sinh dựa vào nội dung nghe được phán đoán câu được cung cấp là thuộc đáp án nào.

Phần thứ ba có tổng cộng 7 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu là hội thoại giữa hai người nam và nữ, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra được ý đồ của người nam hoặc người nữ trong đoạn hội thoại. Thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng nhất.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Đề thi sẽ đưa ra nội dung mỗi câu hỏi là một đoạn hội thoại, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra một đáp án đúng cho câu trả lời tương ứng.

2.2 Đọc

Phần thứ nhất có tổng cộng 16 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi trắc nghiệm, lựa chọn chủ đề/nội dung trọng tâm của hình ảnh/ đoạn văn.

Phần thứ ba có tổng cộng 4 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/ cụm từ điền vào chỗ trống trong 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 02 chỗ trống.

Phần thứ ba có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Đề thi sẽ đưa ra 5 đoạn văn ngắn, mỗi đoạn văn có kèm theo một câu hỏi, thí sinh căn cứ vào bốn phương án (A, B, C, D) đã được đưa ra theo mỗi câu hỏi để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.3 Viết

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp sẵn một số từ, yêu cầu thí sinh sắp xếp những từ này thành câu hoàn chỉnh.

Phần thứ hai thí sinh viết bài luận khoảng 400-600 chữ về một chủ đề cho sẵn.

2.4 Nói

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày thí sinh nhìn nội dung rồi dịch sang tiếng Hàn.

Phần thứ hai là thí sinh đọc chủ đề, thí sinh có 2 phút chuẩn bị, thí sinh trình bày về chủ đề từ 7-10 câu sử dụng ngữ pháp với trình độ tương ứng.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE	PHẦN 1	6	25	10	0,4
	PHẦN 2	7			0,4
	PHẦN 3	7			0,4
	PHẦN 4	5			0,4
2. ĐỌC	PHẦN 1	16	30	10	0,3
	PHẦN 2	5			0,3
	PHẦN 3	4			0,3
	PHẦN 4	5			0,5
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	10	1,0
	PHẦN 2	1			5,0
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	10	1,0
	PHẦN 2	3-5			1,0
Tổng cộng		/	76	40	

Kết quả thi theo từng kỹ năng của thí sinh sẽ được tính bằng số lượng câu trả lời chính xác nhân với số điểm cho mỗi câu của từng kỹ năng. Điểm thi được làm tròn theo từng kỹ năng và làm tròn dạng số nguyên.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 5 sẽ được thể hiện trên 4 phần: : Điểm nghe, điểm đọc, điểm viết, điểm nói và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 04 phần thi Nghe, nói, đọc, viết.. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 8,0 điểm trở lên là đạt.

VI. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 6

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 6 tương đương trình độ C2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững trên 5000 từ vựng thông dụng; dễ dàng nghe và đọc hiểu bản tin tiếng Hàn Quốc; có thể sử dụng tiếng Hàn Quốc để trình bày lưu loát kiến giải của bản thân bằng cả hình thức nói và viết.

2. Định dạng đề thi

Bậc 6 : Tổng cộng có 76 câu hỏi, chia làm 4 phần: Nghe, Nói, Đọc, Viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE	PHẦN 1	6	25	45
	PHẦN 2	7		
	PHẦN 3	7		
	PHẦN 4	5		

2. ĐỌC	PHẦN 1	16	30	50
	PHẦN 2	5		
	PHẦN 3	4		
	PHẦN 4	5		
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	45
	PHẦN 2	1		
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	Khoảng 10
	PHẦN 2	3-5		
Tổng cộng		76		Khoảng 150

Toàn bộ thời gian thi khoảng 150 phút (không bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe

Phần thứ nhất có tổng cộng 6 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 1 lần. Nội dung mỗi câu là một hội thoại ngắn (thường gồm 2 câu) và trong đề thi sẽ cung cấp bốn hình ảnh, tình huống thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra hình ảnh tương ứng hoặc nội dung phù hợp tiếp nối tình huống.

Phần thứ hai có tổng cộng 7 câu hỏi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu sẽ thực hiện như sau: Người thứ nhất nói một đoạn văn ngắn, người thứ hai căn cứ vào đoạn văn này đưa ra thông tin là một câu hoàn chỉnh và câu này được cung cấp trên đề thi để từ đó thí sinh dựa vào nội dung nghe được phán đoán câu được cung cấp là thuộc đáp án nào.

Phần thứ ba có tổng cộng 7 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu là hội thoại giữa hai người nam và nữ, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra được ý đồ của người nam hoặc người nữ trong đoạn hội thoại. Thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng nhất.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Đề thi sẽ đưa ra nội dung mỗi câu hỏi là một đoạn hội thoại, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe để chọn ra một đáp án đúng cho câu trả lời tương ứng.

2.2 Đọc

Phần thứ nhất có tổng cộng 16 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi trắc nghiệm, lựa chọn chủ đề/nội dung trọng tâm của hình ảnh/ đoạn văn.

Phần thứ ba có tổng cộng 4 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/ cụm từ điền vào chỗ trống trong 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 02 chỗ trống.

Phần thứ ba có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Đề thi sẽ đưa ra 10 đoạn văn ngắn, mỗi đoạn văn có kèm theo một câu hỏi, thí sinh căn cứ vào bốn phương án (A, B, C, D) đã được đưa ra theo mỗi câu hỏi để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.3 Viết

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp sẵn một số từ, yêu cầu thí sinh sắp xếp những từ này thành câu hoàn chỉnh.

Phần thứ hai thí sinh viết bài luận khoảng 400-600 chữ về một chủ đề cho sẵn.

2.4 Nói

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày thí sinh nhìn nội dung rồi dịch sang tiếng Hàn.

Phần thứ hai là thí sinh đọc chủ đề, thí sinh có 2 phút chuẩn bị, thí sinh trình bày về chủ đề từ 7-10 câu sử dụng ngữ pháp với trình độ tương ứng.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE	PHẦN 1	6	25	10	0,4
	PHẦN 2	7			0,4
	PHẦN 3	7			0,4
	PHẦN 4	5			0,4
2. ĐỌC	PHẦN 1	16	30	10	0,3
	PHẦN 2	5			0,3
	PHẦN 3	4			0,3
	PHẦN 4	5			0,5
3. VIẾT	PHẦN 1	5	6	10	1,0
	PHẦN 2	1			5,0
4. NÓI	PHẦN 1	3-5	10	10	1,0
	PHẦN 2	3-5			1,0
Tổng cộng		/	76	40	

Kết quả thi theo từng kỹ năng của thí sinh sẽ được tính bằng số lượng câu trả lời chính xác nhân với số điểm cho mỗi câu của từng kỹ năng. Điểm thi được làm tròn theo từng kỹ năng và làm tròn dạng số nguyên.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 6 sẽ được thể hiện trên 4 phần: : Điểm nghe, điểm đọc, điểm viết, điểm nói và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 04 phần thi Nghe, nói, đọc, viết.. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 9,0 điểm trở lên là đạt.